**ĐƠN VỊ.....**

**PHỤ LỤC 1**

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN, BẢN (NVYTTB) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Công văn số /SYT-NV ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên huyện** | **Tổng số thôn/bản hiện có[[1]](#footnote-1)** | **Tổng số thôn/bản có NVYTTB hoạt động[[2]](#footnote-2)** | **Tổng số NVYTTB đang hoạt động[[3]](#footnote-3)** | | **Tổng số NVYTTB đang hoạt động được hỗ kinh phí trợ hằng tháng[[4]](#footnote-4)** | **Tổng số NVYTTB đang hoạt động chưa được hưởng hỗ trợ hằng tháng[[5]](#footnote-5)** | **Định mức kinh phí hỗ trợ hằng tháng cho NVYTTB hiện hưởng [[6]](#footnote-6)** | **Ghi chú** |
| **Số đã được đào tạo** | **Số chưa được đào tạo** |
| 1 | TYT A |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | TYT B |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | TYT..... |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**ĐƠN VỊ.....**

**PHỤ LỤC 2**

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG CÔ ĐỠ THÔN, BẢN (CĐTB) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**Đối với các tỉnh có mạng lưới cô đỡ thôn, bản**

*(Kèm theo Công văn số /SYT-NV ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Y tế)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên huyện** | **Tổng số CĐTB đã được đào tạo[[7]](#footnote-7)** | **Tổng số CĐTB được đào tạo và hiện đang hoạt động[[8]](#footnote-8)** | | **Tổng số CĐTB kiêm nhiệm NVYTTB** | **Tổng số CĐTB đang hoạt động được hỗ trợ kinh phí hằng tháng[[9]](#footnote-9)** | **Tổng số CĐTB đang hoạt động chưa được hưởng hỗ trợ hằng tháng[[10]](#footnote-10)** | **Định mức KP hỗ trợ hằng tháng CĐTB hiện hưởng[[11]](#footnote-11)** | **Ghi chú** |
| **Số CĐTB đã được đào tạo từ 6 tháng trở lên** | **Số CĐTB được đào tạo dưới 6 tháng** |
| 1 | TYT A |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | TYT B |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | TYT..... |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Ghi tổng số thôn bản hiện có tại từng huyện, tỉnh; [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi tổng số thôn/bản đang có NVYTTB hoạt động; [↑](#footnote-ref-2)
3. - Ghi tổng số NVYTTB đã được đào tạo chuyên môn y;

   - Ghi tổng số NVYTTB chưa được đào tạo chuyên môn y; [↑](#footnote-ref-3)
4. Ghi tổng số NVYTTB được hỗ trợ kinh phí hằng tháng; [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi tổng số NVYTTB chưa được hỗ trợ kinh phí hằng tháng; [↑](#footnote-ref-5)
6. Ghi định mức kinh phí hỗ trợ hiện NVYTTB được hưởng [↑](#footnote-ref-6)
7. Ghi tổng số CĐTB đã được đào tạo; [↑](#footnote-ref-7)
8. - Ghi tổng số CĐTB được đào tạo 6 tháng trở lên và hiện đang hoạt động;

   - Ghi tổng số CĐTB được đào tạo dưới 6 tháng và hiện đang hoạt động; [↑](#footnote-ref-8)
9. Ghi tổng số CĐTB đang hoạt động được hỗ trợ kinh phí hằng tháng (bao gồm cả CĐTB làm kiêm nhiệm NVYTTB); [↑](#footnote-ref-9)
10. Ghi tổng số CĐTB đang hoạt động chưa được hỗ trợ kinh phí hằng tháng; [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi định mức kinh phí hỗ trợ hằng tháng CĐTB hiện hưởng. [↑](#footnote-ref-11)